TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 10 – AN GIANG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2026/DS - ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Bé Thi.

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Nghiệp và ông Nguyễn Thiện Pháp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang: Bà Trần Thị Thùy An – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 805/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự;

Nguyên đơn:

- Công ty cổ phần M (Nay đổi tên thành Công ty cổ phần J).

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C, số B T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc D – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Miền Nam.

Địa chỉ liên hệ: Tầng G, tòa nhà C, số D, N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại: Ông Vương Lê Vĩnh N, ông Trần Minh T1, ông Nguyễn Trung H; cùng địa chỉ: Tầng C, Số A T, phường L, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền số: 1202/2026/UQ-XLN-JUPITERMN ngày 02/02/2026);

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1)

Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ và pháp lý (Theo văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025 của ông Ngô Chí D1).

Người được ủy quyền lại: Ông Vương Lê Vĩnh N, ông Trần Minh T1; cùng địa chỉ: Tầng C, Số A T, phường L, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền số: 256/2026/UQN-PLKHCN6 ngày 02/02/2026).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1963;

Căn cước công dân số: 089063024209

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, tỉnh An Giang.

(Ông N, ông T1, ông H có đơn xin vắng mặt; ông Đ vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án – Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/3/2023, ông Nguyễn Văn Đ có ký kết hợp đồng cho vay số: LN2302278475748 + Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ với Ngân hàng thương mại cổ phần V (viết tắt là V1) để vay số tiền là 460.000.000 đồng; mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu HYNDAI, STARGAZER 1.5 tiêu chuẩn, 1.5L, CVT sản xuất mới 100%; thời hạn vay là 96 tháng; lãi suất vay 13%/năm tại thời điểm vay; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ là trả gốc theo định kỳ hàng tháng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế. Đến ngày 11/3/2023, V1 đã giải ngân cho ông Đ nhận đủ số tiền 460.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông Đ ký kết hợp đồng thế chấp số: LN2302278475748 ngày 10/3/2023 với tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô hiệu HYNDAI, STARGAZER 1.5 tiêu chuẩn, 1.5L, CVT, biển số đăng ký: 67A-238.13 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên chủ sở hữu.

Ngoài ra, ngày 15/3/2023, ông Đ ký kết hợp đồng thẻ tín dụng số: 156-P-1604252 với V1, số tiền được cấp là 21.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Đ thanh toán số tiền vay đến ngày 14/6/2024 với số tiền gốc là 42.336.036 đồng, lãi là 40.147.586 đồng. Sau đó, ông Đ không tiếp tục thanh toán nợ cho V1 nữa. Từ ngày 15/6/2024, khoản vay của ông Đ đã chuyển sang nợ quá hạn.

Ngày 28/3/2025, V1 ký kết hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER, hợp đồng chuyển nhượng số 10/2025/VPB-JUPITER, phụ lục MBN kèm theo với Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) (viết tắt là JUPITER). Theo hợp đồng thì V1 bán và JUPITER mua 95% khoản nợ phát sinh từ hợp đồng vay, 100% khoản nợ phát sinh từ hợp đồng thẻ tín dụng nêu trên của ông Nguyễn Văn Đ, còn lại V1 là 05% khoản nợ phát sinh từ hợp đồng vay.

V1 và JUPITER đã nhiều lần mời ông Đ làm việc, tạo điều kiện về thời gian và đề nghị thanh toán khoản nợ nhưng ông Đ vẫn không trả nợ.

Tính đến ngày 21/8/2026, ông Đ còn nợ V1 (05% khoản nợ hợp đồng vay) với số tiền nợ gốc là 20.883.198 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.541.176 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.740.459 đồng, lãi chậm trả lãi là 336.948 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 33.501.781 đồng.

Tính đến ngày 21/8/2026, ông Đ còn nợ JUPITER (95% khoản nợ hợp đồng vay) với số tiền nợ gốc là 396.780.766 đồng, nợ lãi trong hạn là 29.282.348 đồng, nợ lãi quá hạn là 204.068.695 đồng, lãi chậm trả lãi là 6.402.004 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 636.533.813 đồng. Ngoài ra, ông Đ còn nợ JUPITER 100% khoản nợ gốc, lãi của hợp đồng thẻ tín dụng.

V1 khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số tiền nợ gốc và lãi (05% khoản nợ hợp đồng vay) tính đến ngày 21/8/2026 là 33.501.781 đồng và kể từ ngày 22/8/2026 tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng cho vay, phụ lục đã ký kết ngày 10/3/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ; trường hợp ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, V1 yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 10/3/2023 để thu hồi tương ứng với phần nợ của V1; trường hợp tài sản phát mãi không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì ông Đ còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ đối với các khoản vay trên.

JUPITER khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số tiền nợ gốc và lãi (95% khoản nợ hợp đồng vay) tính đến ngày 21/8/2026 là 636.533.813 đồng và kể từ ngày 22/8/2026 tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng cho vay, phụ lục đã ký kết ngày 10/3/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ; trường hợp ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, JUPITER yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 10/3/2023 để thu hồi tương ứng với phần nợ của JUPITER; trường hợp tài sản phát mãi không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì ông Đ còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ đối với các khoản vay trên. Ngoài ra, JUPITER yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Đ về khoản nợ gốc, lãi của hợp đồng thẻ tín dụng.

**** Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ:***

Trong quá trình tố tụng ông Đ vắng mặt, Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đồng thời triệu tập ông Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của V1, JUPITER.

Tại phiên tòa,

Ông Vương Lê Vĩnh N, ông Trần Minh T1, ông Nguyễn Trung H là người đại diện theo ủy quyền của V1, JUPITER cùng có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có lý do.

* **Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa**:

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của V1 về việc buộc ông Đ phải có trách nhiệm trả cho V1 số tiền tính đến ngày 21/8/2026 tổng cộng là 33.501.781 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của JUPITER về việc buộc ông Đ phải có trách nhiệm trả cho JUPITER số tiền tính đến ngày 21/8/2026 tổng cộng là 636.533.813 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 22/8/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho V1, JUPITER; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của JUPITER về việc yêu cầu ông Đ thanh toán khoản nợ phát sinh từ hợp đồng thẻ tín dụng; trường hợp ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì V1, JUPITER được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ; trường hợp tài sản phát mãi không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì ông Đ còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ đối với các khoản vay trên của V1, JUPITER.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét; đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều

26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Văn Đ với tư cách là bị đơn của vụ án có địa chỉ thường trú tại ấp Đ, xã P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vương Lê Vĩnh N, ông Trần Minh T1, ông Nguyễn Trung H có đơn yêu cầu vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng cho vay số: LN2302278475748 + Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 10/3//2023. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án do nguyên đơn cung cấp, cho thấy, vào ngày 10/3/2023 ông Đ đã ký kết hợp đồng cho vay với V1 để vay số tiền là 460.000.000 đồng đến ngày 11/3/2023 V1 đã giải ngân cho ông Đ nhận đủ số tiền 460.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 14/6/2024 đối với khoản vay gốc 460.000.000 đồng phía ông Đ có trả được cho V1 số tiền gốc là 42.336.036 đồng, lãi là 40.147.586 đồng, và không tiếp tục trả nợ nữa. Ngày 28/3/2025, V1 thỏa thuận bán 95% khoản nợ phát sinh từ hợp đồng vay trên của ông Đ cho JUPITER. Sau đó, V1, UPITER tiếp tục yêu cầu ông Đ trả các khoản nợ tương ứng nhưng ông Đ vẫn không thực hiện. Nay, V1 khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số tiền nợ gốc và lãi (tướng ứng 05% khoản nợ hợp đồng vay) tính đến ngày 21/8/2026 là 33.501.781 đồng, JUPITER khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số tiền nợ gốc và lãi (tương ứng 95% khoản nợ hợp đồng vay) tính đến ngày 21/8/2026 là 636.533.813 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng cho vay đã ký kết kể từ ngày 22/8/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho V1, JUPITER. Xét thấy, hợp đồng cho vay số LN2302278475748 + Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 10/3//2023 do ông Đ với Đại diện của V1 ký kết là có thật, hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015 về nội dung của hợp đồng vay tài sản nên hợp đồng có giá trị và hợp pháp. Tuy nhiên, do phía ông Đ không thực hiện đúng các thỏa thuận theo hợp đồng đã ký kết nên V1, JUPITER khởi kiện yêu cầu ông Đ phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ là phù hợp với quy

định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 và các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp số: LN2302278475748 ngày 10/3/2023, tài sản thế chấp gồm có: 01 xe ô tô hiệu HYNDAI, STARGAZER 1.5 tiêu chuẩn, 1.5L, CVT, số khung: MF3NB81DEPJ016347, số máy: G4FLNQ165702, biển số đăng ký: 67A-238.13 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên chủ sở hữu. Xét thấy, hợp đồng thế chấp số: LN2302278475748 ngày 10/3/2023 được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/3/2023 nên đã đảm bảo về hình thức của hợp đồng theo quy định tại các Điều 317, 318, 321, 323 Bộ luật Dân sự 2015, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Do đó, trường hợp ông Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V1, JUPITER được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] JUPITER yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Đ về khoản nợ gốc, lãi của hợp đồng thẻ tín dụng số: 156-P-1604252 ngày 15/3/2023. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của JUPITER là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng chi phí tố tụng đã nộp là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ tài sản phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 117, 119, 299, 317, 321, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điểm b khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J).

Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho Công ty cổ phần J số tiền tính đến ngày 21/8/2026 là 636.533.813 đồng (*Sáu trăm ba mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ba nghìn tám trăm mười ba đồng*); trong đó, nợ gốc là 396.780.766 đồng (*Ba trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng*), nợ lãi trong hạn là 29.282.348 đồng (*Hai mươi chín triệu hai trăm tám mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng*), nợ lãi quá hạn là 204.068.695 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu không trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng*), lãi chậm trả lãi là 6.402.004 đồng (*Sáu triệu bốn trăm lẻ hai nghìn không trăm lẻ bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/8/2026), ông Nguyễn Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số: LN2302278475748 ngày 10/3/2023, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 10/3/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1).

Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) số tiền tính đến ngày 21/8/2026 là 33.501.781 đồng (*Ba mươi ba triệu năm trăm lẻ một*

nghìn bảy trăm tám mươi đồng); trong đó, nợ gốc là 20.883.198 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm tám mươi ba nghìn một trăm chín mươi tám đồng*), nợ lãi trong hạn là 1.541.176 đồng (*Một triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng*), nợ lãi quá hạn là 10.740.459 đồng (*Mười triệu bảy trăm bốn mươi nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng*), lãi chậm trả lãi là 336.948 đồng (*Ba trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/8/2026), ông Nguyễn Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số: LN2302278475748 ngày 10/3/2023, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 10/3/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

3. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số LN2302278475748 ngày 10/3/2023 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) với ông Nguyễn Văn Đ để đảm bảo thi hành án. Trường hợp ông Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần J, Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, STARGAZER 1.5 TIÊU CHUẨN, 1.5L, CVT, biển số đăng ký: 67A-238.13, số khung: MF3NB81DEPJ016347, số máy: G4FLNQ165702 tên chủ xe Nguyễn Văn Đ để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản phát mãi không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì ông Đ còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ đối với các khoản nợ trên của V1, JUPITER.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần J về việc buộc ông Nguyễn Văn Đ trả các khoản nợ gốc, lãi phát sinh từ hợp đồng thẻ tín dụng số: 156-P-1604252 ngày 15/3/2023.

5. Án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 30.801.424 đồng (*Ba mươi triệu tám trăm lẻ một nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng*).

+ H1 lại cho Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.207.384 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm lẻ bảy nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 301368 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

+ H1 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000586 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

- Chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả lại chi phí tố tụng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), hoàn trả cho Công ty cổ phần M (nay là JUPITER AMC) số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần M (nay là J), Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1), ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền tự nguyện và thoả thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 34, 36 của Luật Thi hành án dân sự hoặc cưỡng chế thi hành án theo các quy định có liên quan của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 10 – An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Bé Thi